TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS-PT
Ngày 09/6/2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Trần Thị Chọn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Phi Th, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Chị Lê Thị Kim Ng, sinh năm 1987; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Anh Tô Phi Th: Chị Lê Thị Kim Ng, sinh năm 1987 - Cùng địa chỉ: ấp M Ph, xã B, huyện C, Kiên Giang *(Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023)*

Bị đơn: Anh Lâm Thanh B (X), sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lâm Thanh B (X) là ông Lê Ngọc L, sinh năm 1954 - địa chỉ: Số 100A, khu phố 4, thị trấn G, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Người kháng cáo: Anh Lâm Thanh B (X) - bị đơn; Chị Trần Thị Th - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/07/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Tô Phi Th) Chị Lê Thị Kim Ng trình bày:

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2021 âm lịch, anh Lâm Thanh B có đến gặp vợ chồng chị để vay số tiền là 200.000.0000đ (Hai trăm triệu đồng), anh B hẹn đến ngày 27/5/2021 âm lịch sẽ hoàn trả đủ số tiền này. Khi cho anh B vay thì có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng từ lúc vay tiền đến nay anh B không có trả được khoản tiền lãi nào. Khi cho anh B vay tiền thì anh B có ký biên nhận nợ viết tay đề ngày 13/5/2021 âm lịch tại nhà vợ chồng chị vào ngày 13/5/2021 âm lịch, vợ chồng chị giao số tiền này cho anh B trong một lần tại nhà chị vào ngày 13/5/2021 âm lịch. Trên biên nhận ghi ngày hẹn trả tiền là ngày 27/5/2021 âm lịch nhưng trên thực tế thì anh B chỉ hẹn trả số tiền trên trong vài ngày nên sau khi gọi điện thoại cho anh B không được và sau nhiều lần anh B hứa hẹn mà không trả nợ thì đến ngày 21/5/2021 âm lịch vợ chồng chị có gặp anh B tại quán cà phê 79 thì anh B tự viết nội dung và ký vào biên nhận "Dáy mượn tiền" đề ngày 21/5/2021 âm lịch thừa nhận còn nợ vợ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng nhưng do anh B viết sai chính tả và không rõ ràng nên chị đã viết lại 01 biên nhận "Giấy xác nhận" đề ngày 21/5/2021 âm lịch cho đúng nội dung và anh B tự nguyện ký tên vào biên nhận này. Việc viết, ký các biên nhận nêu trên đều là anh B tự nguyên, vợ chồng chị không có bất kỳ sự tác động, uy hiếp hay cưỡng ép gì đối với anh B, về ngày ghi trên các biên nhận là ngày âm lịch.

Đối với quyển sổ mà anh B cho rằng trong sổ có ghi các số tiền anh B vay trong từng lần và số tiền lãi đã trả trong từng lần cho vợ chồng chị mà anh B yêu cầu vợ chồng chị giao nộp cho Tòa án thì vợ chồng chị xác định là không có quyển sổ đó nên không có để giao nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh B yêu cầu buộc anh Lâm Thanh B và vợ anh B là chị Trần Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho vợ chồng chị số tiền vay gốc là 200.000.0000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 13/5/2021 đến khi thanh toán dứt nợ.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/09/2022 và ngày 25/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Thanh B trình bày*:**

Vào khoảng tháng 2 đến tháng 3 năm 2021 âm lịch anh có vay của vợ chồng anh Tô Phi Th số tiền là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất là 30.000đ/1.000.000đ/ngày, anh vay nhiều lần (cụ thể từng lần anh không nhớ rõ) gộp lại mới thành số tiền 95.000.000 đồng. Trong thời gian vay anh đã đóng lãi rất nhiều lần tổng cộng được hơn 100.000.000đ nhưng việc đóng lãi cho anh Th và chị Ng thì anh B không có giấy tờ gì chứng minh, khi thời gian dịch bệnh anh không có đóng lãi do không làm ăn được. Tuy nhiên anh không có tài liệu chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án chứng minh cho số tiền anh vay của nguyên đơn là 95.000.000 đồng và vay trong nhiều lần; cũng như số tiền anh đã trả lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền hơn 100.000.000 đồng vì khi vay tiền thì không có làm biên nhận, chỉ nói miệng và giao tiền trực tiếp sang tay.

Đến khoảng tháng 6 – tháng 7 năm 2021 âm lịch (trước chỉ thị 16), vợ chồng anh Th đưa 02 người lạ mặt hẹn gặp anh tại quán cà phê 79 (thị trấn M) lúc đó anh đi cùng người bạn tên Tý đến quán cà phê 79 anh ngồi chung bàn với vợ chồng anh Th, chị Ng, còn Tý ngồi khuất phía trong, 02 người lạ mặt thì ngồi phía ngoài. Vợ chồng anh Th, chị Ng ép anh viết và ký biên nhận với nội dung còn nợ số tiền vay gốc là 200.000.000đ với lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày, 10 ngày đóng lãi một lần, trong hoàn cảnh đó anh buộc phải viết, ký tên vào biên nhận đó. Sau đó vợ chồng anh Th, chị Ng cùng 02 người lạ mặt đi về thì anh và Tý cũng đi về, tôi có kể lại sự việc anh bị ép viết, ký biên nhận cho Tý nghe, còn Tý không chứng kiến sự việc này. Sau đó (không xác định được ngày tháng năm) thì có mấy người lạ mặt đến nhà anh quậy phá thì anh có báo Công an xã đến giải quyết. Lúc đó anh suy luận là anh chỉ có nợ vợ chồng anh Th, chị Ng nên những người này là do vợ chồng anh Th, chị Ng kêu đến quậy phá nhà anh, đòi đánh anh. Đồng thời anh cũng có gọi điện thoại cho Công an huyện báo việc anh bị ép ký biên nhận thì Công an huyện hướng dẫn làm đơn trình báo lên Công an nhưng anh nghĩ thiếu tiền thì phải trả nên anh không làm đơn trình báo Công an.

Đối với "Tờ xác nhận" đề ngày 13/5/2021 thì nội dung biên nhận này là do chị Ng viết, thì anh tự nguyện ký và ký tại nhà chị Ng, anh Th không có sự uy hiếp hay cưỡng ép nào vì lúc đó số tiền vay chỉ có vài chục triệu đồng. Đối với "Dáy mượn tiền" đề ngày 21/5/2021 thì do anh tự viết nội dung và ký tên vào biên nhận, còn "Giấy xác nhận" đề ngày 21/5/2021 thì do chị Ng viết nội dung và anh ký tên vào biên nhận cả hai biên nhận ngày 21/5/2021 đều là ký tại quán cà phê 79 nhưng đều do anh bị uy hiếp, cưỡng ép ký. Về ngày ghi trên các biên nhận là ngày âm lịch hay dương lịch thì anh nhớ rõ nhưng theo tập quán ở địa phương thì hay sử dụng ngày âm lịch.

anh B đã yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là trích xuất camera tại quán cà phê 79 để chứng minh cho việc anh bị uy hiếp, cưỡng ép ký biên nhận và yêu cầu phía nguyên đơn giao nộp quyển sổ ghi các số tiền anh vay trong từng lần và số tiền lãi anh đã trả trong từng lần.

Mục đích anh vay tiền của vợ chồng anh Th, chị Ng là vay dùm cho người bạn (nhưng hiện nay đã bỏ địa phương đi) để sinh lời và mỗi lần vay được tiền của vợ chồng anh Th, chị Ng thì anh đưa tiền cho người bạn đó luôn, giữa anh và người đó không có làm biên nhận vay mượn tiền gì. Trong quá trình anh vay tiền của anh Th, chị Ng đưa cho người bạn mượn thì người đó không trả tiền lãi cho anh nên anh phải tự xuất tiền cá nhân anh trả trước cho anh Th, chị Ng. Đối với người này thì sau này anh sẽ yêu cầu riêng thành vụ án khác, không yêu cầu trong vụ án này.

Anh B xác định trong quá trình anh và vợ anh là Trần Thị Th chung sống với nhau thì kinh tế gia đình do hai vợ chồng cùng phụ giúp nhau lo trang trãi chi phí trong gia đình.

Ngoài ra, anh không yêu cầu Tòa án xác minh thu thập thêm chứng cứ hay triệu tập thêm người làm chứng. Đối với anh Nguyễn Văn Đ (Tý) thì anh không yêu cầu Tòa án triệu tập vì thực tế Tý không có chứng kiến sự việc anh vay tiền hay bị cưỡng ép ký biên nhận. Đối với người bạn vay tiền của anh thì anh không yêu cầu Tòa án triệu tập vì hiện nay người đó đã trốn nợ không còn ở địa phương nữa. anh B xác định rằng từ trước đến nay anh không có đơn yêu cầu cơ quan Công an điều tra về việc bị cưỡng ép ký biên nhận hay điều tra về việc nguyên đơn cho vay nặng lãi.

* ***Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tô Phi Th và chị Lê Thị Kim Ng.

Buộc anh Lâm Thanh B và chị Trần Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Tô Phi Th và chị Lê Thị Kim Ng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 22/6/2021 dương lịch đến ngày 09/02/2023 dương lịch) là 32.611.110 đồng; tổng cộng gốc lãi là 232.611.110 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Đơn kháng cáo ngày 20/02/2023 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 22/02/2023 bị đơn ông Lâm Thanh B (X) yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang để xét xử lại.

* Đơn kháng cáo ngày 22/02/2023 của chị Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần tuyên án buộc chị liên đới trả nợ cùng với anh B đối với số tiền nợ 200.000.000 đồng.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn không đề cập đến vợ anh B cùng trả nợ. Trước hết đây là vụ kiện có dấu hiệu cho vay nặng lãi thể hiện qua các dấu hiệu như thời gian vay và thời điểm trả nợ chỉ 14 ngày, trong giấy xác nhận nợ ngày 13/5/2021 không nêu được số giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nhà của anh B, việc nguyên đơn cho anh B vay số tiền lớn nhưng không biết anh B là ai, các giấy xác nhận nợ, giấy vay tiền ghi nội dung không trùng khớp, thể hiện sự ép buộc. Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện anh B, nhưng Tòa sơ thẩm buộc chị Th liên đới trả nợ là có vi phạm, về phía anh B cung cấp hai tấm hình chứng minh bên nguyên đơn ép buộc, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét dấu hiệu cưởng ép hoặc cho vay nặng lãi để xác minh làm rõ, qua biên bản đối chất anh B chỉ thừa nhận nợ 95.000.000 đồng, nhưng Tòa sơ thẩm xử buộc số tiền vay gốc 200.000.000 đồng là không có cơ sở, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh B, chị Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Th kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ và xem xét nội dung đơn kháng cáo của chị Th.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh B, Hội đồng xét xử tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía anh B thừa nhận có ký vào tờ xác nhận ngày 13/5/2021 và biên nhận nợ đề ngày 21/5/2021 với số tiền nợ

200.000.000 đồng là do bị ép buộc (bút lục 51, 53), nhưng anh đã không trình báo cơ quan có thẩm quyền về việc bị gia đình anh Th, chị Ng ép buộc anh ký nhận nợ, về phía anh cho rằng chỉ vay anh Th, chị Ng 95.000.000 đồng với lãi suất 2.850.000đồng/ngày nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh, do đó, theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, thì Tòa án không có cơ sở pháp lý để chấp nhận lời khai nại này của anh B. Mặt khác căn cứ theo tờ mượn tiền ngày 21/5/2021 anh B thừa nhận là do anh viết thể hiện nội dung anh vay tiền của anh Phi Th số tiền 200.000.000 đồng và ghi bằng chữ hai trăm triệu đồng chẵn, anh cũng cho là bị ép buộc ghi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ do anh Th, chị Ng cung cấp để buộc anh B trả nợ số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vì anh B thừa nhận anh có ký tên vào chứng cứ vay mượn tiền và tự ghi tờ giấy vay tiền nêu trên.

[3] Xét phần nội dung anh B kháng cáo cho rằng vợ anh là chị Th không biết việc vay nợ này và anh vay dùm cho người bạn, đây là nợ cá nhân anh và kháng cáo của chị Th cho rằng chị không biết việc anh B vay tiền và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không tuyên buộc chị liên đới trả nợ cùng anh B. Về phía nguyên đơn anh Th tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như chị Ng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng thừa nhận việc giao tiền vay trực tiếp cho anh B, không có mặt chị Th, giấy vay nợ không có chị Th ký và cũng không chứng minh được số tiền anh B vay để sử dụng cho gia đình anh B, chị Th kinh doanh hoặc sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình anh B, chị Th. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp anh B, chị Th còn tồn tại, nên chị Th có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình là chưa phù hợp với các Điều luật dẫn chiếu trong Điều luật này, vì nguyên đơn không chứng minh được giao dịch vay mượn tiền của anh B để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về người đại diện theo quy định tại Điều 24, 25, 26 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 01/7/2022 chỉ thể hiện yêu cầu anh B trả nợ và không có khởi kiện bổ sung việc chị Th liên đới trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Th liên đới trả nợ cùng anh B là vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, do đó, không có cơ sở pháp lý để buộc chị Th liên đới trả nợ cùng anh B.

Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Th, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh B, không chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, mà phải sửa một phần bản án sơ thẩm về người liên đới trả nợ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía anh B, chị Th không phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Trần Thị Th.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn anh Lâm Thanh B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tô Phi Th và chị Lê Thị Kim Ng đối với bị đơn anh Lâm Thanh B.

2. Buộc anh Lâm Thanh B có nghĩa vụ trả cho anh Tô Phi Th và chị Lê Thị Kim Ng số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 22/6/2021 dương lịch đến ngày 09/02/2023 dương lịch) là 32.611.110 đồng; tổng cộng gốc lãi là 232.611.110 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười một ngàn một trăm mười đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: anh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.630.556 đồng (mười một triệu sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Nguyên đơn anh Th, chị Ng không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho anh Th, chị Ng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.000.000 đồng

theo biên lai thu số 0009515 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: anh B, chị Th không phải chịu nộp mỗi người 300.000 đồng, hoàn trả cho anh B số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005382 ngày 20/2/2023 và hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005410 ngày 27/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.